

YÊU CẦU BÁO GIÁ (Số 52./10/23)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư tiêu hao năm 2023-2024 của Bệnh viện Phụ Sản với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Họ tên: Nguyễn Thị Kiều Oanh
Số điện thoại: 0397.712.595
Địa chỉ email: duoc.bvps@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận nghiệp vụ Dược- Khoa Dược- Bệnh viện Phụ Sản (Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 20 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 3 tháng 11 năm 2023
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày nhận được báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục trang thiết bị y tế (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại bảng sau:

Yêu cầu về địa điểm cung cấp	<ul style="list-style-type: none">- Khoa Dược – Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.- Địa chỉ: Số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
------------------------------	--

Yêu cầu vận chuyển	- Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng
--------------------	---

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không. ✓

Nơi nhận:

- Nơi kính gửi;
- Lưu: Dược, VT.



GIÁM ĐỐC
PGS.TS.BS *Lưu Văn Tâm*

PHỤ LỤC

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Thông tin sản phẩm
1	HemosIL Cleaning agent	1	Hộp	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần dung dịch natri hypoclorit chứa < 5% clo tồn tại. Dạng Lỏng.
2	HemosIL APTT-SP (Liquid)	1	Hộp	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT trong mẫu huyết tương người. Đóng gói: Hộp 5x9 mL+5x8 mL
3	Coulter Latron CP-X	1	Lọ	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động kết hợp các hóa chất phân tích để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dẫn, tán xạ. - Thành phần: một dung dịch chứa các hạt nhựa polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt. Lọ ≥ 4ml
4	COULTER DxH Cell Lyse	2	Hộp	Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học - Thành phần: Quaternary Ammonium Salts 5-80 g/L, Sodium Sulfit 1-5 g/L, Chất ổn định, Chất đệm. Hộp ≥ 5 lít
5	Calcium Arsenazo	1	Hộp	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng calci trong mẫu huyết thanh, huyết tương (chống đông bằng heparin) hoặc nước tiểu người.
6	Control Serum 1	9	Lọ	Chất kiểm chứng dạng đông khô cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy
7	Control Serum 2	9	Lọ	Chất kiểm chứng dạng đông khô cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy
8	SYSTEM CALIBRATOR	3	Lọ	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.
9	ISE High Serum Standard	0,25	Hộp	Sản phẩm sử dụng kết hợp với mô-đun điện giải ISE trên máy phân tích AU của hãng Beckman Coulter để định lượng (gián tiếp) nồng độ của Natri (Na ⁺), Kali (K ⁺) và Clo (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương người.
10	ISE Low Serum Standard	0,25	Hộp	Sản phẩm sử dụng kết hợp với mô-đun điện giải ISE trên máy phân tích AU của hãng Beckman Coulter để định lượng (gián tiếp) nồng độ của Natri (Na ⁺), Kali (K ⁺) và Clo (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương người.

PHÒNG
VIỆN
SẢN

11	ALBUMIN	0,5	Hộp	<p>Thuốc thử xét nghiệm Albumin</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1 Đệm Citrate: 95 mmol/L, pH 4.1; chất bảo quản; chất ổn định</p> <p>SR Đệm Citrate: 95 mmol/L, pH 4.1; xanh Bromcresol: 0.66 mmol/L; chất bảo quản; chất ổn định</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>Quy cách: 400 Test/Hộp</p>
12	CRP/CRP-hS STANDARD	1	Hộp	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người
13	HDL-CHOLESTEROL	0,5	Hộp	<p>Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1 Đệm TAPSOB): 62.1 mmol/L, pH 7.77; polyanion: 1.25 g/L; EMSE: 1.08 mmol/L; ascorbate oxidase (đưa chuột): $\geq 50 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (củ cải): $\geq 166.7 \mu\text{kat/L}$; chất tẩy; BSA: 2.0 g/L; chất bảo quản</p> <p>SR Đệm Bis-Trisc): 20.1 mmol/L, pH 6.70; cholesterol esterase (vi sinh): $\geq 7.5 \mu\text{kat/L}$; cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp): $\geq 7.17 \mu\text{kat/L}$; cholesterol oxidase (vi sinh): $\geq 76.7 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (củ cải): $\geq 333 \mu\text{kat/L}$; 4-amino-antipyrine: 1.48 mmol/L; BSA: 3.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>b)</p> <p>2-Hydroxy-N-tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid</p> <p>c)</p> <p>Bis(2-hydroxyethyl)iminotris(hydroxymethyl)methane</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>Quy cách: 200 Test/Hộp</p>

14	LDL-CHOLESTEROL	0,5	Hộp	<p>Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1 Đệm Bis-trisb): 20.1 mmol/L, pH 7.0; 4-aminoantipyrine: 0.98 mmol/L; ascorbate oxidase (AOD, Acremonium spec.): $\geq 66.7 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes): $\geq 166.7 \mu\text{kat/L}$; BSA: 4.0 g/L; chất bảo quản</p> <p>SR Đệm MOPSc): 20.1 mmol/L, pH 7.0; EMSE: 2.16 mmol/L; cholesterol esterase (chủng Pseudomonas): $\geq 33.3 \mu\text{kat/L}$; cholesterol oxidase (tái tổ hợp từ E. coli): $\geq 31.7 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes): $\geq 333.3 \mu\text{kat/L}$; BSA: 4.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>b) bis(2-hydroxyethyl)-amino-tris-(hydroxymethyl)met hane</p> <p>c) 3-morpholinopropane-1-sulfonic acid</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>Quy cách: 2 x 50 Test/Hộp</p>
----	-----------------	-----	-----	--

